TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 37/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-02-2022.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Trần Thị Đổi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 768/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 01/12/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Y trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Tr sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Trong quá trình chung sống vợ, chồng thường xuyên phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nên sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn ông Tr, vì bận công việc nên bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Về con chung: Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/6/2002 và Nguyễn Vũ D, sinh ngày 28/8/2008. Sau khi ly hôn bà để Nguyễn Vũ D cho ông Tr tiếp tục nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông Tr, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như bà Y đã trình bày. Vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nay bà Y xin ly hôn ông đồng ý, vì bận công việc ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Về con chung: Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/6/2002 và Nguyễn Vũ D, sinh ngày 28/8/2008. Sau khi ly hôn ông xin nuôi Nguyễn Vũ D, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông tự thỏa thuận với bà Y, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr, ông Tr hiện có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Y và ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Y và ông Nguyễn Văn Tr chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa bà Y và ông Tr được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, bà Y và ông Tr phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Y xin ly hôn ông Tr, ông Tr cũng đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy bà Y và ông Tr chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được. Bà Y và ông Tr không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ nên bà Y cương quyết xin ly hôn. Ông Tr cho rằng

cuộc sống vợ, chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông Tr cũng đồng ý ly hôn. Việc bà Y và ông Tr thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Con chung: Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/6/2002 và Nguyễn Vũ D, sinh ngày 28/8/2008. Sau khi bà Y và ông Tr ly hôn, cháu Nguyễn Vũ D có nguyện vọng sống với bà Y, bà Y và ông Tr thống nhất để cháu D cho ông Tr tục nuôi. Việc thỏa thuận nuôi con của bà Y và ông Tr là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông Tr không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Bà Y và ông Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà Y và ông Tr thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Bà Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y đối với ông Nguyễn Văn Tr về việc "ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Việc nuôi con: Ông Tr được quyền tiếp tục nuôi Nguyễn Vũ D, sinh ngày 28/8/2008, bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông Tr không có yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà Y và ông Tr tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Y chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, bà Y được khấu trừ 300.000 đồng tạm

ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009189 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
- UBND xã A;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên